

Số: **1018/2025/QĐST-DS**

H, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: **880/2025/TLST-DS** ngày 18 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 ngày**, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Đồng Nguyên đơn:

- Công ty Cổ phần M (M).

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa nhà V, số 9 D, phường C, Thành phố H. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi C.T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Q.T - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo *VBƯQ* số 4260/2025/UQ-QĐ ngày 25/8/2025 của ông Bùi C.T - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của công ty Cổ phần M).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Đặng H.L, bà Hoàng L.L.C, ông Phạm T.H, ông Nguyễn N.T – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản uỷ quyền số 1659/2025/UQ-M.VPB ngày 09.9.2025).

- Ngân hàng TMCP V (V)

Địa chỉ: Tòa V Tower, Số 89 L, phường Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô C.D - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Cao D.T - Chức vụ: Trưởng Phòng Xử lý nợ (Theo Văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của ông Ngô C.D - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V (V))

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Đào T.V – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản uỷ quyền số 2235/2025/UQ-M (VBP)).

Đồng Bị đơn:

- Ông Nguyễn V.K, sinh năm.

- Bà Nguyễn Thị B.H, sinh năm.

Cùng địa chỉ: Số 2 ngõ 32 N.H, phường N.H, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M và ông bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H cùng thống nhất xác định như sau:

Tính đến ngày 13.12.2025, đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H còn nợ đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M khoản tiền nợ là: 4.807.880.164 đồng (Trong đó, nợ gốc là 4.039.096.011 đồng, nợ lãi là 710.437.284 đồng, nợ lãi chậm trả là 58.346.869 đồng). Trong đó:

Đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H có nghĩa vụ phải thanh toán Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 13.12.2025 là: 4.567.486.156 đồng (Trong đó, nợ gốc là 3.837.141.210 đồng, nợ lãi là 674.915.420 đồng, nợ lãi chậm trả là 55.429.526 đồng).

Đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V) tổng số tiền tạm tính đến ngày 13.12.2025 là: 240.394.008 đồng (Trong đó, nợ gốc là 201.954.801 đồng, nợ lãi là 35.521.864 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.917.343 đồng).

2.2. Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận phương án thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi nêu trên như sau:

Đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H có nghĩa vụ thanh toán cho đồng nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nêu trên đến ngày 28.12.2025 là dứt điểm.

2.3. Kể từ ngày 14.12.2025, các bên đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M và đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H cùng thống nhất thỏa thuận đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H sẽ tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi cho đồng nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

2.4. Trong trường hợp đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên như đã thỏa thuận thì đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho

đồng nguyên đơn. Cụ thể đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý quyền tài sản của ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H đối với toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 7, tại địa chỉ Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh P; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 032031, Số vào sổ cấp GCN: CH 02648 do UBND huyện T, tỉnh P cấp ngày 12/01/2018 để thu hồi nợ cho đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

2.5. Các bên đương sự cùng thống nhất thỏa thuận trong trường hợp tài sản đảm bảo bị xử lý mà không đủ để thu hồi nợ thì đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H tiếp tục có nghĩa vụ phải thanh toán cho đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M tất cả các khoản nợ cho đến khi thi hành án xong.

2.6. Tất cả những người quản lý sử dụng tài sản đảm bảo phải có nghĩa vụ bàn giao lại tài sản trong trường hợp tài sản bị xử lý để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí DSST: Đồng bị đơn ông Nguyễn V.K và bà Nguyễn Thị B.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.404.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng*) (*Đã làm tròn*).

Hoàn trả cho Đồng nguyên đơn Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.212.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm mười hai nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016701 ngày 17.11.2025 và Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.640.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016703 ngày 17.11.2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 - H;
- Thi hành án dân sự Khu vực 4 - H;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng